

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số : 188/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T ; Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn M T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Văn N ; Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn M T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81,82,83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 3 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc S sinh ngày 25/10/2020 cho đến khi thành niên, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Bảo C sinh ngày 08/11/2017 cho đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N trình bày không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N tự nguyện thỏa thuận chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho chị Bùi Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007452 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
-
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

